

Số: 36 /NQ-HĐND

Yên Thịnh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển
kinh tế - xã hội năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ YÊN THỊNH
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ NĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04/02/2026 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 21/12/2025 của HĐND xã Yên Thịnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Yên Thịnh năm 2026;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Yên Thịnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND ngày 26/8/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các thôn tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân

dân xã, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Yên Thịnh khoá XXI, Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Lãng

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số: 36 /NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND xã Yên Thịnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 3//NQ-HĐND ngày 21/12/2025	Chỉ tiêu điều chỉnh, bổ sung	Chỉ tiêu sau điều chỉnh	Lý do đề nghị điều chỉnh, bổ sung
I	TÀI CHÍNH – KINH TẾ					
1	Thu nội địa	Triệu đồng	2.170		2.170	
2	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	Chưa giao	350	350	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
3	Thu NSDP (không gồm tiền SDD, xổ số)	Triệu đồng	Chưa giao	1.820	1.820	
4	Tổng giá trị sản phẩm cấp xã. Trong đó	Triệu đồng	Chưa giao	415.000	415.000	Sở Tài chính đang trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu
4.1	<i>Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Chưa giao</i>	<i>224.520</i>	<i>224.520</i>	
4.2	<i>Khu vực công nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Chưa giao</i>	<i>73.898</i>	<i>73.898</i>	
4.3	<i>Khu vực dịch vụ</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Chưa giao</i>	<i>116.582</i>	<i>116.582</i>	
5	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	10,5	7,1	7,1	
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	42		42	

II	NÔNG NGHIỆP – MÔI TRƯỜNG					
7	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	Chưa giao	15	15	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
8	Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	40		40	
9	Độ che phủ rừng	%	87		87	
10	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	30		30	
IV	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI					
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	2	2,45	2,45	UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
12	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt chuẩn	%	65	60	60	Chỉ tiêu HĐND xã giao 65%, chỉ tiêu UBND tỉnh giao tại Quyết định số 358/QĐ-UBND là 60%. đồng thời qua rà soát kết quả thực hiện năm 2026 chỉ đạt 60%
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71,8		71,8	
14	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	≥38		≥38	

V	Y TẾ – DÂN SỐ					
15	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	≥95	100	100	UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
16	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	Chưa giao	100	100	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
17	Trẻ dưới 6 tuổi được tiêm phòng	%	100		100	
18	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn	%	Chưa giao	< 2,3	< 2,3	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
19	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	Người	Chưa giao	150	150	
20	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	Chưa giao	50	50	
21	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (<i>Down, Edward, Patau, Thalassemia</i>)	%	Chưa giao	40	40	

22	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (<i>suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh</i>)	%	Chưa giao	55	55	
23	Người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ	%	Chưa giao	82	82	
24	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	Chưa giao	100	100	
VI	VĂN HÓA – GIÁO DỤC					Sở Tài chính đang trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu
25	Gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	>90		>90	
26	Thôn đạt chuẩn văn hóa	%	>90		>90	
27	Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	>92		>92	
28	Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	100		100	
29	Huy động học sinh ra lớp 1	%	100		100	
30	Huy động học sinh ra lớp 6	%	100		100	

31	Phổ cập GDMN cho trẻ 3–5 tuổi	Đạt	Đạt		Đạt	
32	Trường học đạt chuẩn quốc gia	%	Duy trì	100	100	UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
VII	KHOA HỌC – CHUYỂN ĐỔI SỐ					
33	Hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng	%	100		100	
34	Hồ sơ TTHC được xử lý trên mạng	%	100		100	
35	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	95		95	
36	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	%	85	60	60	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND là 60%; Đồng thời qua rà soát, năm 2026 tỷ lệ phủ sóng 5G chỉ đạt 60%
VII	QUỐC PHÒNG – AN NINH					
37	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%	Chưa giao	5,3	5,3	UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026

38	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	100		100	
39	Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân	%	100		100	
40	Khu dân cư đạt chuẩn ANTT	%	>90		>90	
41	Giảm tội phạm về trật tự xã hội	%	10		10	
42	Duy trì xã không có ma túy	Duy trì	Duy trì		Duy trì	
43	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương)	%	Chưa giao	5	5	Sở Tài chính đang trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu
44	Tỷ lệ giảm số vụ cháy cấp III và không để xảy ra vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng cấp V	%	Chưa giao	> 5	> 5	